

Số: 2762 /QĐ-SYT

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025, từ số thu sự nghiệp được để lại chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3919/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về việc phạm vi đối tượng chi thường xuyên dự toán 2025;

Căn cứ Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025, từ số thu sự nghiệp được để lại chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị trực thuộc như sau:

Tổng số: 28.093 triệu đồng (Hai mươi tám tỷ, không trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn), trong đó:

- Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025: 3.202 triệu đồng.

- Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp: 24.891 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, các đơn vị thực hiện:

- Đối với số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025: Đơn vị lập 04 phiếu phân bổ dự toán gửi về Sở Y tế để nhập tabmis giảm dự toán năm 2025.

- Đối với số tiết kiệm 10% dự toán từ nguồn thu sự nghiệp được để lại chi thường xuyên: Đơn vị trích lập bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và được sử dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Chánh văn phòng Sở; Trưởng các phòng ban chức năng của Sở Y tế và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN khu vực III - Phòng Nghiệp vụ II;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Thủ trưởng cơ quan VP Sở;
- Lưu: VT, KHTC3.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

PHỤ BIỂU
TỔNG HỢP TIẾT KIỆM 10% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2025
VÀ TỪ NGUỒN THU PHÍ, THU SỰ NGHIỆP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP CỦA
CHÍNH PHỦ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 10% tiết kiệm					Ghi chú
			Tổng cộng	Bao gồm				
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ dự toán chi ngân sách 7 tháng cuối năm 2025	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025	
	TỔNG CỘNG	277.586	28.093	356	2.846	12.077	12.814	
1	Văn phòng Sở	16.720	1.884	293	1.591	0	0	
	Kinh phí tự chủ	8.990	1.111	248	863	0	0	
	Kinh phí không tự chủ	7.730	773	45	728	0	0	
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	472	47	0	47	0	0	
	Kinh phí tự chủ	54	5	0	5	0	0	
	Kinh phí không tự chủ	418	42	0	42	0	0	
3	Chi cục Dân số	379	38	0	38	0	0	
	Kinh phí tự chủ	379	38	0	38	0	0	
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	24.068	2.426	0	0	2.307	119	
	Thu sự nghiệp	24.068	2.426	0	0	2.307	119	

STT	Đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 10% tiết kiệm					Ghi chú
			Tổng cộng	Bao gồm				
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ dự toán chi ngân sách 7 tháng cuối năm 2025	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025	
5	Bệnh viện Bãi Cháy	46.565	4.657	0	0	4.339	318	
	Thu sự nghiệp	46.565	4.657	0	0	4.339	318	
6	Bệnh viện Sản Nhi	20.978	2.197	0	0	252	1.945	
	Thu sự nghiệp	20.978	2.197	0	0	252	1.945	
7	Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả	5.610	561	0	31	345	185	
	Kinh phí tự chủ	305	31	0	31	0	0	
	Thu sự nghiệp	5.305	530	0	0	345	185	
8	Bệnh viện Phổi	13.690	1.369	0	490	549	330	
	Kinh phí không tự chủ	4.900	490	0	490	0	0	
	Thu sự nghiệp	8.790	879	0	0	549	330	
9	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	1.482	148	0	0	0	148	
	Thu sự nghiệp	1.482	148	0	0	0	148	
10	Bệnh viện Y dược cổ truyền	62.264	6.227	58	7	2.239	3.923	
	Kinh phí tự chủ	508	51	51	0	0	0	
	Kinh phí không tự chủ	139	14	7	7	0	0	
	Thu sự nghiệp	61.617	6.162	0	0	2.239	3.923	

STT	Đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 10% tiết kiệm					Ghi chú
			Tổng cộng	Bao gồm				
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ dự toán chi ngân sách 7 tháng cuối năm 2025	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025	
11	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	13.834	1.384	0	450	0	934	
	Kinh phí tự chủ	4.498	450	0	450	0	0	
	Thu sự nghiệp	9.336	934	0	0	0	934	
12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1.072	107	0	80	0	27	
	Kinh phí tự chủ	752	75	0	75	0	0	
	Kinh phí không tự chủ	50	5	0	5	0	0	
	Thu sự nghiệp	270	27	0	0	0	27	
13	Trung tâm Kiểm nghiệm	674	67	0	44	8	15	
	Kinh phí tự chủ	444	44	0	44	0	0	
	Thu sự nghiệp	230	23	0	0	8	15	
14	Trung tâm vận chuyển cấp cứu	50	5	0	5	0	0	
	Kinh phí tự chủ	50	5	0	5	0	0	
15	Trung tâm Pháp y	1.570	157	5	5	147	0	
	Kinh phí tự chủ	100	10	5	5	0	0	
	Thu sự nghiệp	1.470	147	0	0	147	0	
16	Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả	12.353	1.235	0	0	443	792	
	Thu sự nghiệp	12.353	1.235	0	0	443	792	

STT	Đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 10% tiết kiệm					Ghi chú
			Tổng cộng	Bao gồm				
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ dự toán chi ngân sách 7 tháng cuối năm 2025	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên năm 2025 tăng thêm so với dự toán giao đầu năm 2024	Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025	
17	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	16.320	1.632	0	0	1.223	409	
	Thu sự nghiệp	16.320	1.632	0	0	1.223	409	
18	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	12.040	1.204	0	0	175	1.029	
	Thu sự nghiệp	12.040	1.204	0	0	175	1.029	
19	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	2.890	289	0	0	0	289	
	Thu sự nghiệp	2.890	289	0	0	0	289	
20	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	7.680	768	0	0	48	720	
	Thu sự nghiệp	7.680	768	0	0	48	720	
21	Trung tâm Trợ giúp xã hội	686	72	0	58	2	12	
	Kinh phí tự chủ	545	55	0	55	0	0	
	Kinh phí không tự chủ	27	3	0	3	0	0	
	Thu sự nghiệp	114	14	0	0	2	12	
22	Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế	16.189	1.619	0	0	0	1.619	
	Thu sự nghiệp	16.189	1.619	0	0	0	1.619	

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục Dân số	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Y dược Cổ truyền	Bệnh viện Lão Khoa - PHCN	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Kiểm nghiệm	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu	Trung tâm Pháp Y	Trung tâm Trợ giúp xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(3.202)	(1.884)	(47)	(38)	(31)	(490)	(65)	(450)	(80)	(44)	(5)	(10)	(58)
1	Chi quản lý hành chính	(157)	(114)	(5)	(38)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đơn vị quản lý nhà nước	(94)	(51)	(5)	(38)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(63)	(63)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	<i>Kinh phí thanh kiểm tra, chỉ đạo tuyến và chuyên môn nghiệp vụ</i>	(63)	(63)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(2.987)	(1.770)	(42)	0	(31)	(490)	(65)	(450)	(80)	(44)	(5)	(10)	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(1.726)	(1.060)	0	0	(31)	0	(51)	(450)	(75)	(44)	(5)	(10)	0

[illegible]

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ****Mã số QHNS: 1043525****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị tính: Triệu
đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 1.884
1	Chi quản lý hành chính	- 114
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 51
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 63
-	Kinh phí thanh kiểm tra, chỉ đạo tuyến và chuyên môn nghiệp vụ	- 63
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 1.770
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 1.060
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 710
-	Kinh phí Công nghệ thông tin	- 63
-	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công	- 647

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: CHI CỤC AN TOÀN VỀ SINH THỰC PHẨM****Mã số QHNS: 1084562****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 47
1	Chi quản lý hành chính	- 5
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 5
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 42
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 42
-	Kinh phí thực hiện chuyên môn về An toàn thực phẩm	- 42

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: CHI CỤC DÂN SỐ****Mã số QHNS: 1081938****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 38
1	Chi quản lý hành chính	- 38
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 38
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM PHẢ****Mã số QHNS: 1119295****Mã KBNN nơi giao dịch: 2813***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 31
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 31
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 31

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN PHỔI****Mã số QHNS: 1078627****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 490
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 490
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 490
-	Kinh phí Công nghệ thông tin	- 455
-	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công	- 35

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN****Mã số QHNS: 1078628****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 14
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 14
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 14
-	Kinh phí Công nghệ thông tin	- 14

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN LÃO KHOA - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG****Mã số QHNS: 1131510****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 450
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 450
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 450

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****Mã số QHNS: 1126909****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 80
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 80
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 75
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 5
-	Kinh phí Công nghệ thông tin	- 5

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM****Mã số QHNS: 1063292****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 44
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 44
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 44

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM VẬN CHUYỂN CẤP CỨU****Mã số QHNS: 1027617****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 5
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 5
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 5

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHÁP Y****Mã số QHNS: 1123313****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2)	- 10
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	- 10
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 10

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-SYT ngày 14 /11/2025 của Sở Y tế Quảng Ninh)***ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM TRỢ GIÚP XÃ HỘI****Mã số QHNS: 1119282****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	- 58
1	Chi đảm bảo xã hội	- 58
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- 55
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 3
-	Các hoạt động phục vụ bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	- 3